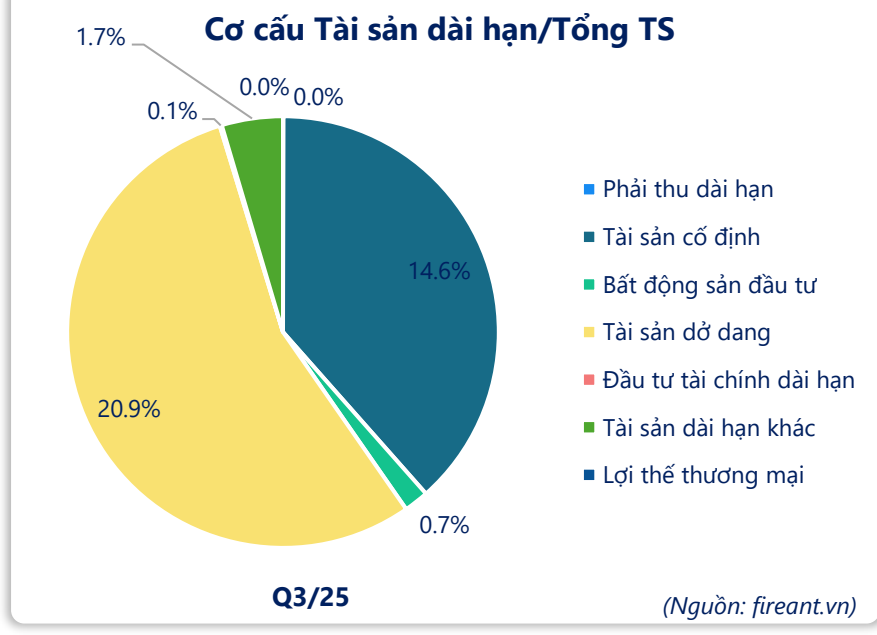
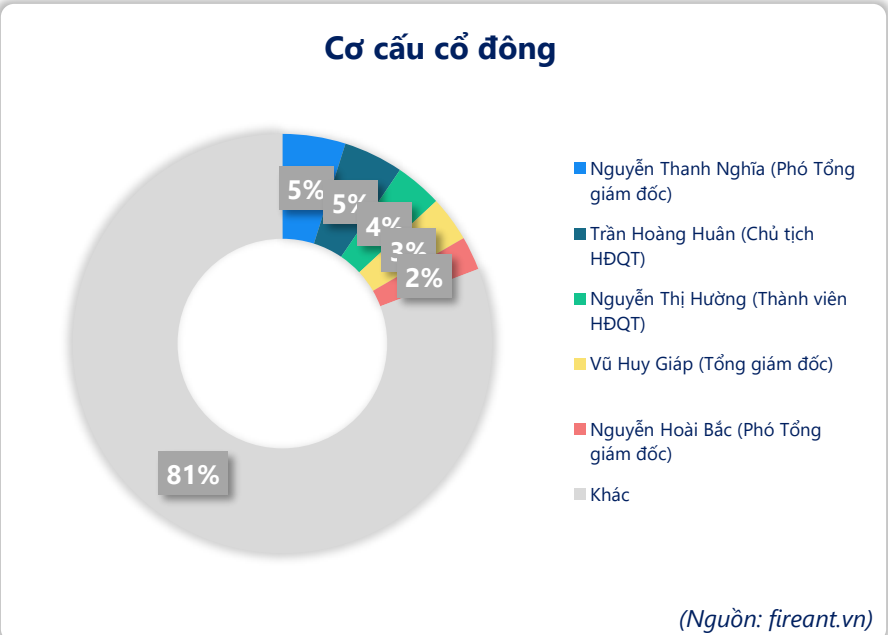
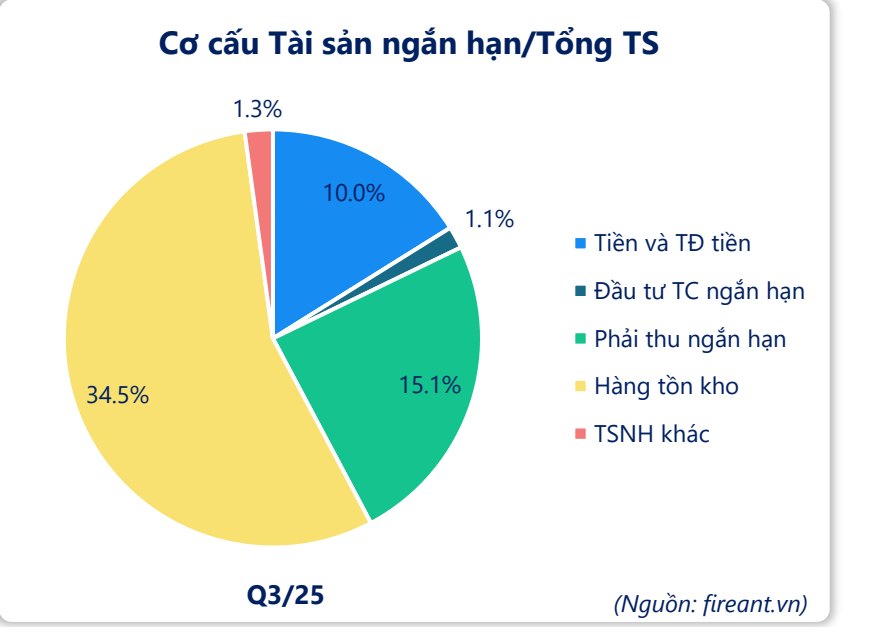
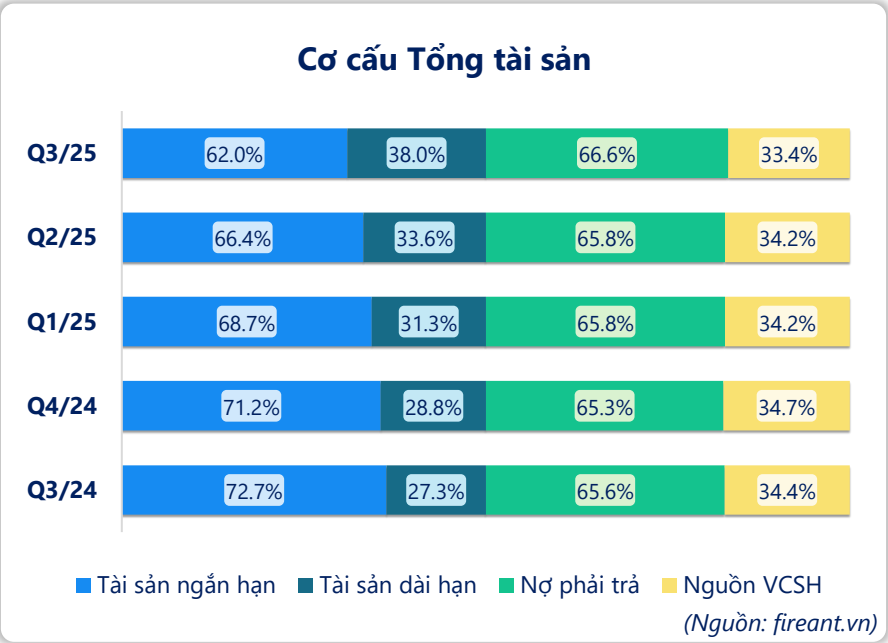
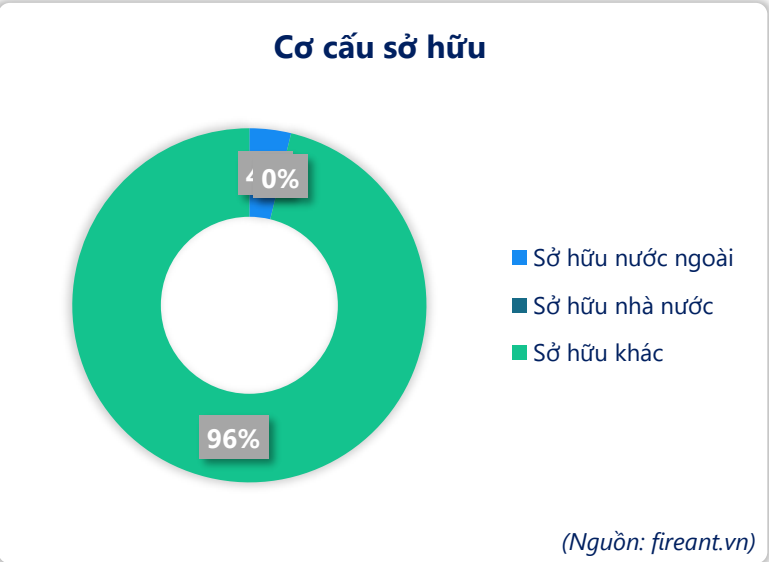
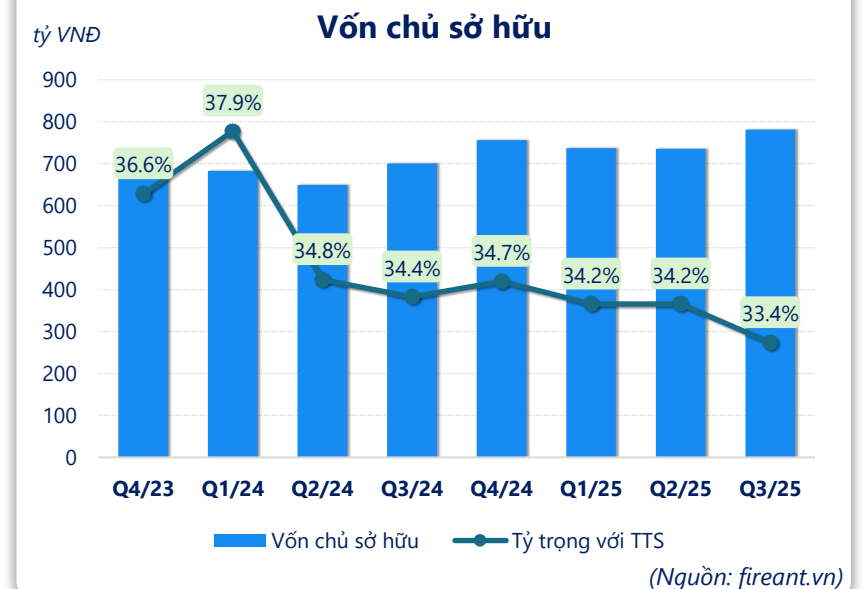
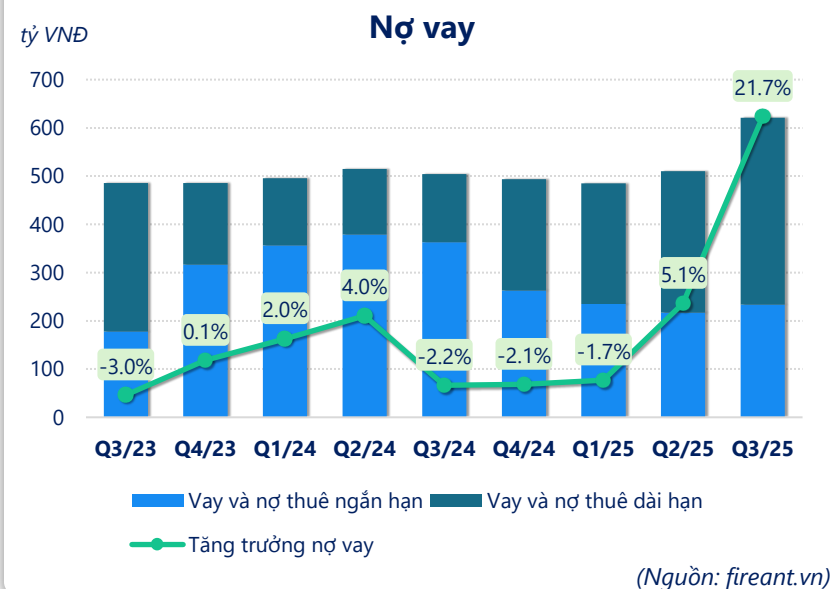
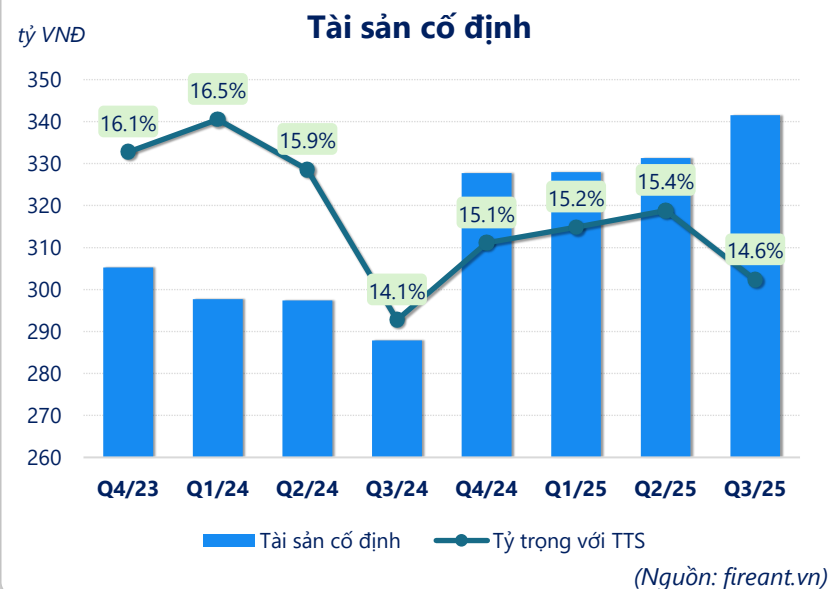
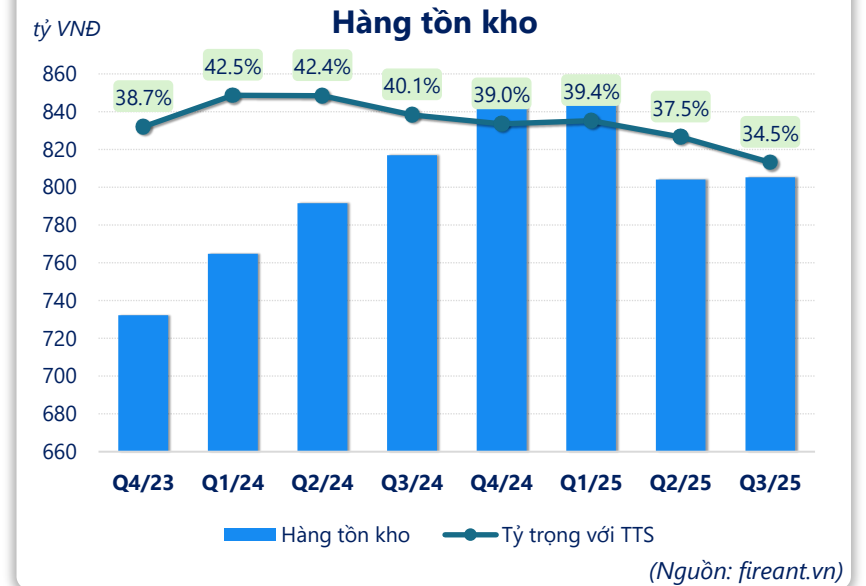
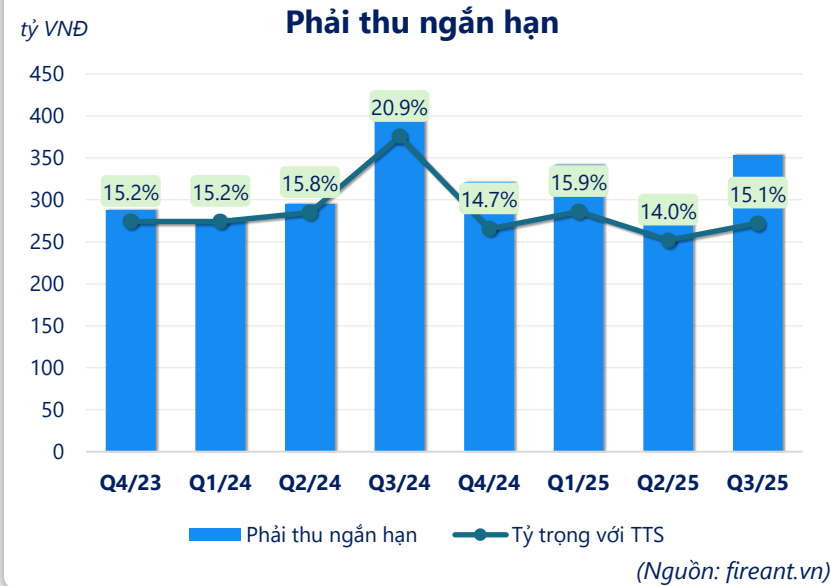
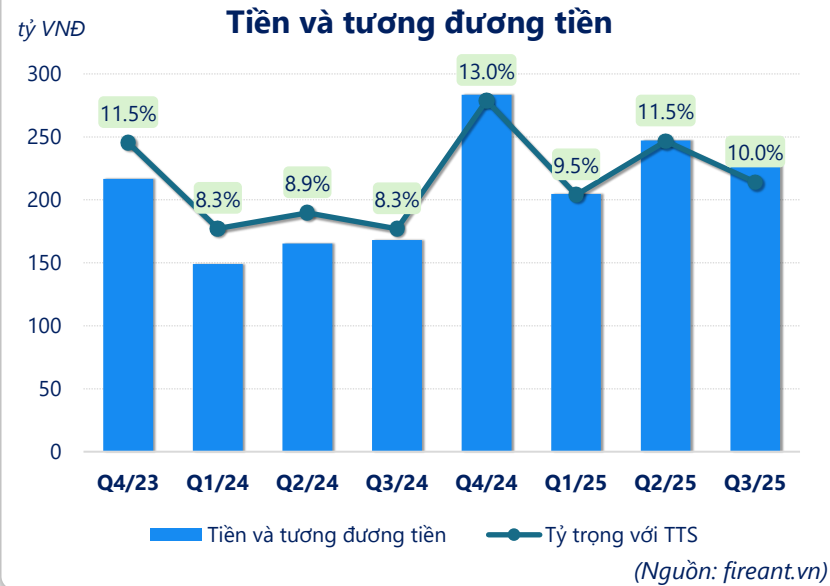
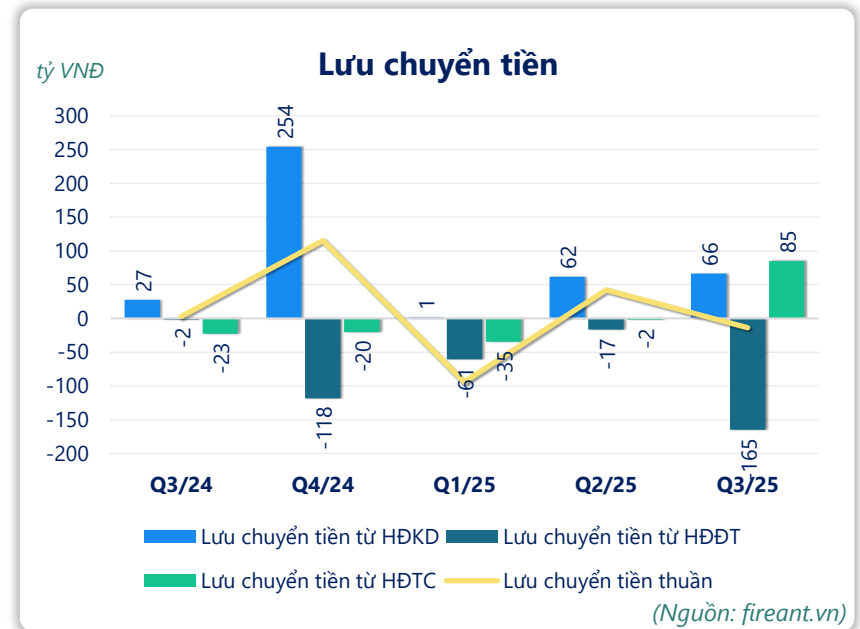
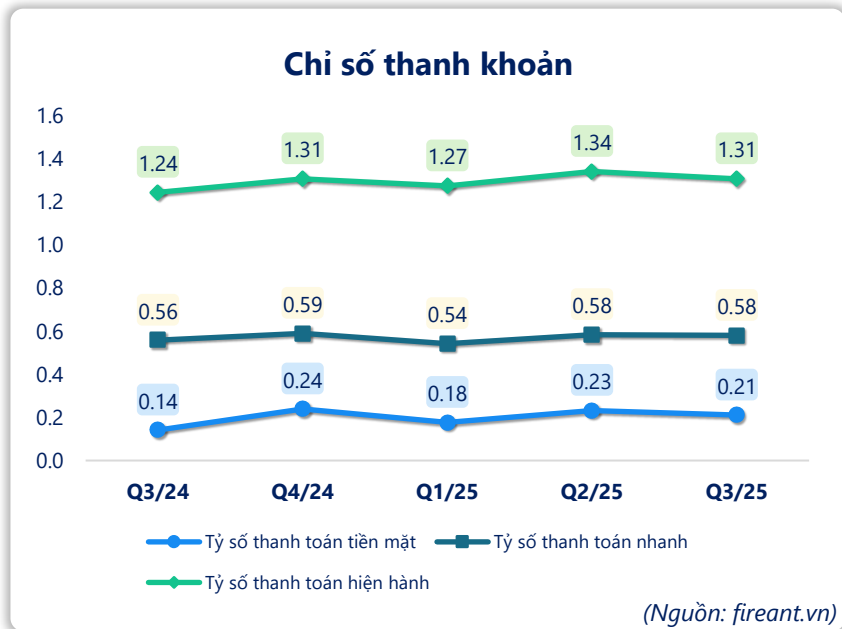
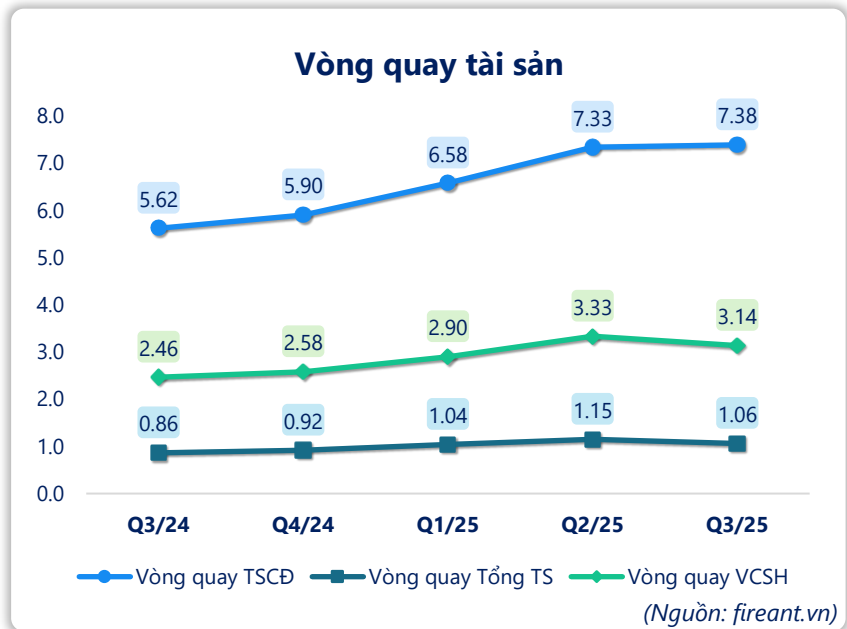
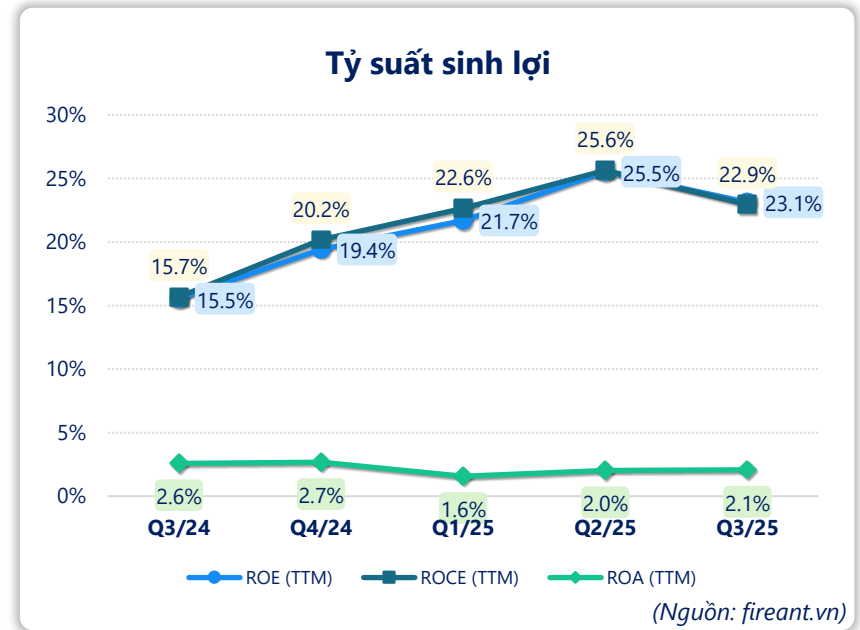
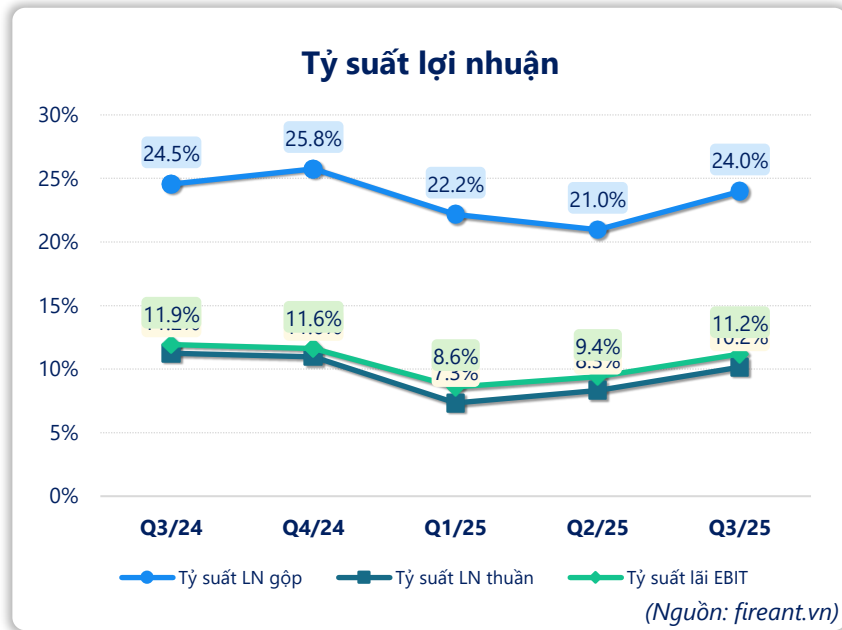
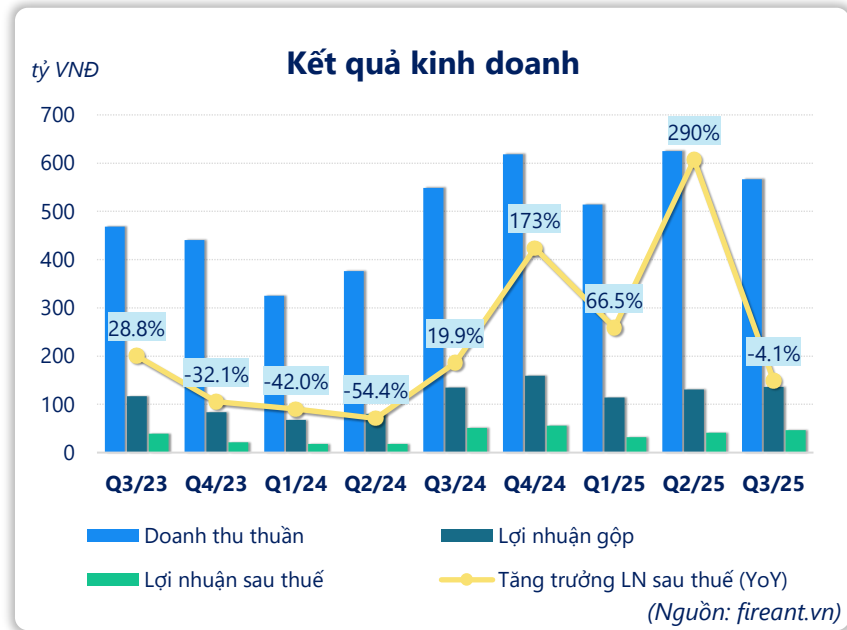


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		50,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		58,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		33,882
SL cổ phiếu LH		31,129,907
KLGD BQ 20 phiên (CP)		39,860
% sở hữu nước ngoài		3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,572
P/E		9.2
EPS		5,503

	YTD	1T	3T	6T
THG	25.2%	-6.7%	-11.2%	-0.4%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,337	2,182	7.1%
Tài sản ngắn hạn	1,448	1,555	-6.8%
Tiền và tương đương tiền	233	299	-21.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	24.6	54.1	-54.5%
Phải thu ngắn hạn	353	320	10.5%
Hàng tồn kho	805	858	-6.1%
Tài sản ngắn hạn khác	31.4	24.1	30.2%
Tài sản dài hạn	888	627	41.7%
Phải thu dài hạn	0.34	0.33	1.8%
Tài sản cố định	342	327	4.4%
Bất động sản đầu tư	16.5	17.6	-6.7%
Tài sản dở dang	488	271	80.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.39	0.36	285%
Tài sản dài hạn khác	40.7	11.3	260%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,556	1,450	7.2%
Nợ ngắn hạn	1,108	1,215	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	234	264	-11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	477	451	5.7%
Nợ dài hạn	448	235	90.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	387	230	68.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	781	731	6.8%
Vốn chủ sở hữu	781	731	6.8%
Vốn điều lệ	311	259	20.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	548	618	514	625	566
Giá vốn hàng bán	414	459	400	494	431
Lợi nhuận gộp	135	159	114	131	136
Doanh thu HĐTC	1.17	1.62	1.96	1.57	1.38
Chi phí TC	3.20	3.47	6.18	6.60	6.60
Chi phí lãi vay	3.20	3.29	6.13	6.50	6.47
LN trong công ty LKLD	0.04	0.02	0.00	0.06	0.01
Chi phí bán hàng	55.6	61.2	59.0	56.0	58.1
Chi phí QLDN	15.3	28.4	13.1	18.1	15.1
LN thuần từ HĐKD	61.7	67.8	37.8	51.9	57.5
Lợi nhuận khác	0.53	0.64	0.35	0.25	-0.62
LN trước thuế	62.2	68.4	38.1	52.2	56.9
Lợi nhuận sau thuế	51.4	55.6	31.9	41.5	46.2
LNST của CĐ cty mẹ	50.6	54.4	31.0	40.6	45.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.3	254	1.34	61.6	66.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.81	-118	-60.6	-16.8	-165
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.6	-20.3	-34.8	-2.48	84.9
Tiền đầu kỳ	165	168	299	205	247
Lưu chuyển tiền thuần	2.91	115	-94.1	42.2	-13.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.01	0.00
Tiền cuối kỳ	168	283	205	247	233

(Nguồn: fireant.vn)